

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 tháng 8 năm 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn PH Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị H - sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số nhà 22, ngõ 1, tổ dân phố Thanh Lương, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1990

HKTT: Số nhà 5, ngõ 94, tổ dân phố Hòa Yên, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 7, Phân trại III, Trại giam Tân Lập, Cục C10, Bộ Công an.

(Chị H, anh T đều xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25/6/2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 04/01/2012 tại UBND phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B. Trước khi kết hôn, chị và anh T có được tự do tìm hiểu, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương.

Chị và anh T chung sống đến tháng 6 năm 2014 thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt tù về tội “Giết người” và “Cướp tài sản”. Hiện anh T đang chấp hành án tại Đội 7, Phân trại III, Trại giam Tân Lập, Cục C10, Bộ Công an. Nay chị xác định không còn

tình cảm với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 01/6/2013, hiện nay đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang làm công nhân Công ty may Dĩnh Kế, thành phố B, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 13/7/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Hà Thị H đăng ký kết hôn ngày 04/01/2012 tại UBND phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B theo đúng quy định. Trước khi kết hôn, anh và chị H có được tự do tìm hiểu. Vợ chồng anh trong quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nhưng chị H xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 01/6/2013. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị H được nuôi con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Biên bản xác minh ngày 21/7/2021, tổ trưởng tổ dân phố số Hòa Yên, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B cung cấp như sau:*** Chị H và anh T kết hôn năm 2012 và có 01 con chung. Năm 2014, anh T phải đi chấp hành án phạt tù, chị H đưa con đi khỏi địa pH. Anh T và chị H ly thân từ đó đến nay.

* Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T xin vắng mặt.

* Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh T đều xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 01/6/2013 cho chị H nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại tổ Chi Ly 1, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn Hà Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn Nguyễn Văn T xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân thành phố B xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn ngày 04/01/2012 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thọ Xương, thành phố B và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ tháng 6/2014, nguyên nhân do anh T vi phạm pháp luật, bị xử phạt tù chung và hiện anh T đang phải đi chấp hành án. Nay chị H yêu cầu ly hôn do không còn tình cảm vợ chồng, anh T cũng nhất trí ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc ly hôn anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

[4.1] Chị H và anh T có một con chung là Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 01/6/2013 hiện sinh sống cùng chị H. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con chung, anh T nhất trí để chị H nuôi con chung. Xét thấy, chị H có việc làm, có thu nhập, nơi ở ổn định nên để tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển tâm, sinh lý, ổn định việc sinh hoạt và học tập của con chung, cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 01/6/2013 đến khi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Hà Thị H nuôi con chung Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 01/6/2013. Về cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002533 ngày 05/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác định chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND phường Thọ Xương, TP B, tỉnh B
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn PH Thảo

